

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14/01/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hoa.

2. Ông Lý Và Dưỡng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 337/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Ấp Bình Chữ, xã BĐ, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Hong Quán B, sinh năm: 1984.

HKTT: Số nhà 11, phố 6, ấp 4, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N và anh B vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2019, bản tự khai ngày 15/10/2019, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:

Chị và anh B tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2002 Nng đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/6/2005. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị dành dụm tiền để nuôi con Nng anh B lại lấy tiền tiêu xài cá nhân mà không hỏi ý kiến chị. Khi chị hỏi về mục đích sử dụng tiền thì anh B bạo hành đánh đập chị. Từ đó vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn cho đến năm 2008 thì anh B tiếp tục có hành vi chửi mắng, đánh đập chị và còn cầm dao hăm dọa chém cả gia đình cha mẹ

chị. Sau đó, anh B có năn nỉ chị về chung sống nên chị đã tha thứ cho anh B để anh B sửa chữa. Nhưng anh B không thay đổi mà vẫn chứng nào tật nấy. Do sợ hãi nên chị bỏ nhà đi thành phố làm việc và sống ly thân với anh B cho đến nay. Vào lúc 19 giờ ngày 04/6/2019 chị có gặp anh B để nói về chuyện giải quyết ly hôn thì anh B chửi và đòi đánh chị giữa chợ và thách thức chị ly hôn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ chung sống với nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Hong Quán Huỳnh Bích, sinh ngày 13/4/2003 và Hong Tấn Lộc, sinh ngày 13/01/2006. Tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cả 02 con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Tại bản khai ngày 15/10/2019 và biên bản làm việc ngày 19/11/2019 thì chị N thay đổi yêu cầu là giao cả 02 con chung cho anh B được trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cả 02 con chung. Chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh B không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt với lý do bận công việc và cam kết không khiếu nại việc Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Đối với bị đơn anh Hong Quán B: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do, cũng không nộp văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị N.

Quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử và cấp, tổng đạt văn bản tố tụng: Tòa án xác định và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Cuộc sống vợ chồng chị N và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, khả năng đoàn tụ không có và đã sống ly thân, nên yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị N được ly hôn với anh B.

Về con chung: Con chung đang sống cùng anh B, chị N đồng ý giao con chung cho anh B nuôi dưỡng nên giao con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Hong Quán B được Tòa án triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa đến lần thứ hai Nng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Hong Quán B cư trú tại số nhà 11, phố 6, ấp 4, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về luật áp dụng: Chị N và anh B đăng ký kết hôn năm 2005 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N và anh Hong Quán B tự nguyện kết hôn, hôn nhân không vi phạm điều cấm của pháp luật và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L; đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/6/2005 nên được công nhận hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị N: Chị N xin ly hôn với lý do anh B có hành vi bạo hành đối với chị, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn về tiền bạc. Từ năm 2008 đến nay vợ chồng sống ly thân, chị không còn tình cảm với anh B.

Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương và người thân anh B thể hiện lời khai của chị N là chính xác, vợ chồng đã có mâu thuẫn trầm trọng và từ năm 2008 chị N và anh B sống ly thân (bút lục 21, 22, 23). Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh B làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa theo quy định Nng anh B vắng mặt không có lý do, điều này cho thấy anh B không có thiện chí hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ.

Xét thấy, cuộc sống vợ chồng chị N, anh B đã có mâu thuẫn trầm trọng, vi phạm Điều 18 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, khả năng đoàn tụ không có, chị N không còn tình cảm với anh B, anh B không mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, giải quyết cho chị N được ly hôn với anh B theo các Điều 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về con chung: Chị N và anh B có 02 con chung là Hong Quán Huỳnh Bích, sinh ngày 13/4/2003 và Hong Tấn Lộc, sinh ngày 13/01/2006. Khi ly hôn, chị N đồng ý giao con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng do các con chung đang sống cùng anh B. Theo chứng cứ mà Tòa án thu thập được và lời trình bày của chị N, người thân anh B thì cháu Bích và cháu Lộc đang sống cùng anh B, được anh B chăm sóc tốt (bút lục 22, 23). Từ ngày chị N, anh B sống ly thân thì các

con chung sống cùng anh B. Vì vậy, giao cháu Bích và cháu Lộc cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, anh B không đến Tòa án trình bày về cấp dưỡng nuôi con, nên tạm thời chị N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị N có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N và Anh Hong Quán B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 89, 91, 92, 93 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Huỳnh N. Chị Nguyễn Thị Huỳnh N được ly hôn với anh Hong Quán B.

2. Về con chung: Giao cháu Hong Quán Huỳnh Bích, sinh ngày 13/4/2003 và Hong Tấn Lộc, sinh ngày 13/01/2006 cho anh B trực tiếp chăm sóc, giáo dục sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời chị Nguyễn Thị Huỳnh N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị N có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị thảo đã nộp theo biên lai số 0002405 ngày 08/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thành tiền án phí. Chị N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N và anh Hong Quán B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu.

Phan Thanh Hà

